

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Liên Mạc,
huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2789/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn Cú Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu phân bổ một số loại đất cấp tỉnh để điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên, phân bổ chỉ tiêu một số loại đất thời kỳ 2021-2030; phân kỳ thực hiện giai đoạn 2021-2025 trên

địa bàn tỉnh và Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh một số nguyên tắc, tiêu chí, thứ tự ưu tiên một số loại đất tại Quyết định số 1404/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1704/SGTVT - P2 ngày 30/8/2022 của Sở Giao thông vận tải về việc tham gia ý kiến Quy hoạch chung xây dựng 03 xã: Thanh An, Liên Mạc, Thanh Khê huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030; Công văn số 1366/SNN - KHTC ngày 29/8/2022 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc tham gia ý kiến quy hoạch chung xây dựng các xã thuộc huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; Công văn số 1583/STNMT-KHTC ngày 22/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc tham gia ý kiến vào Quy hoạch chung 03 xã: Thanh An, Liên Mạc, Thanh Khê huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 42/TTr-KTHT ngày 10 tháng 04 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030, với những nội dung chính sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND xã Liên Mạc.

3. Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn.

4. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch: Xã Liên Mạc nằm ở phía Đông Bắc huyện Thanh Hà, cách trung tâm huyện Thanh Hà 3,5km. Được xác định cụ thể như sau:

+ Phía Bắc: Giáp xã Thanh An và xã Thanh Lang.

+ Phía Nam: Giáp xã Thanh Xá và thị trấn Thanh Hà.

+ Phía Tây: Giáp xã Cẩm Chế.

+ Phía Đông: Giáp xã Thanh Xuân.

- Quy mô tổng diện tích đất nghiên cứu quy hoạch: 726,78ha.

5. Mục tiêu, tính chất, chức năng quy hoạch

5.1. Mục tiêu quy hoạch

- Quy hoạch chung xây dựng xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà đến năm 2030 nhằm xây dựng và phát triển xã Liên Mạc đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, góp phần vào sự phát triển chung của huyện Thanh Hà.

- Cụ thể hóa các nội dung quy hoạch vùng huyện Thanh Hà; các quy hoạch vùng có liên quan, định hướng kiến trúc cho từng loại hình phù hợp với đặc điểm của địa phương.

- Xác định những nhiệm vụ quan trọng để xã tập trung các nguồn lực đầu tư có trọng tâm. Góp phần xây dựng xã Liên Mạc phát triển bền vững trên cơ sở khai thác được các tiềm năng lợi thế, khắc phục được những hạn chế.

5.2. Tính chất, chức năng

- Tuân thủ các định hướng lớn trong các đồ án quy hoạch của tỉnh; các quy hoạch đã phê duyệt trên địa bàn huyện và các quy hoạch vùng phụ cận có liên quan đến xã Liên Mạc.

- Quy hoạch đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu và đảm bảo an ninh quốc phòng, ứng phó biến đổi khí hậu.

- Phát triển trung tâm và các khu dân cư nông thôn phù hợp với sự phân bố các vùng kinh tế và khả năng phát triển hạ tầng kỹ thuật trong vùng.

- Nghiên cứu, đóng góp phát triển các ngành kinh tế dựa vào tiềm năng và lợi thế của huyện và của xã. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao tính cạnh tranh của sản xuất kinh doanh.

6. Xác định tiềm năng, động lực và dự báo phát triển

6.1. Dự báo quy mô dân số

- Dân số hiện trạng của Liên Mạc là: 7.277 người.

- Dự báo tăng dân số cơ học đến năm 2030 là: 2.734 người.

- Dự báo tăng dân số tự nhiên đến năm 2030 là: 607 người.

- Đến năm 2030 tổng quy mô dân số ước đạt: 10.618 người.

6.2. Dự báo phát triển kinh tế chủ đạo

Định hướng đến năm 2030, nền kinh tế của Liên Mạc sẽ ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp là chủ đạo. Trong đó, nhiệm vụ chính là sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao; phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa và phát triển bền vững.

6.3. Xác định tiềm năng đất đai

- Với quỹ đất xây dựng hiện trạng chiếm tỷ lệ thấp trên tổng số diện tích toàn xã, bên cạnh đó nhiều khu vực hiện sản xuất nông nghiệp kém hiệu quả sẽ là một trong những yếu tố cần thiết để nghiên cứu chuyển đổi chức năng sử dụng đất nhằm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.

- Nhìn chung, cơ sở hạ tầng tại xã đều chưa được đầu tư đồng bộ. Do khối lượng phải bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư không lớn so với các nơi khác nên các cấp, các ngành có thể mạnh dạn xây dựng những phương án quy hoạch xây dựng một cách toàn diện hơn.

- Tiềm năng đất đai của xã chủ yếu là khả năng khai thác chiều sâu đối với đất đang sử dụng bằng việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiềm năng đất đai phục vụ chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang phi nông nghiệp phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất chủ yếu về dân cư tập trung phát triển lan tỏa từ các khu ở hiện hữu.

6.4. Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình.

6.4.1. Đất phát triển công cộng

- Trụ sở UBND xã, Nhà Văn hóa trung tâm xã: Diện tích 0,95ha, giữ nguyên hiện trạng.

- Trụ sở công an xã: Quy hoạch mới, vị trí trong khu vực trung tâm, cạnh UBND xã, diện tích 0,1ha.

- Sân Thể thao trung tâm xã: Diện tích 0,75ha, quy hoạch mở rộng diện tích 0,38ha về phía Tây. Tổng diện tích sau quy hoạch 1,13ha.

- Trạm y tế: Diện tích 0,18ha, giữ nguyên hiện trạng.

- Nghĩa trang liệt sỹ: Diện tích 0,37ha, giữ nguyên hiện trạng.

- Khu công viên cây xanh, mặt nước. Quy hoạch:

+ Công viên, cây xanh tập trung khu trung tâm, diện tích 0,42ha.

+ Công viên thôn Văn Mạc, diện tích 0,3ha.

+ Công viên thôn Mạc Động, diện tích 0,08ha.

+ Công viên thôn Tiêu Xá, diện tích 0,33ha.

+ Công viên thôn Mạc Thủ 1, diện tích 0,42ha.

+ Công viên thôn Mạc Thủ 2, diện tích 0,19ha.

+ Cải tạo khu công viên cây xanh - mặt nước cạnh nghĩa trang Liệt sỹ: 0,17ha.

6.4.2. Chợ, khu dịch vụ (dịch vụ thương mại, dịch vụ sinh thái)

- Chợ: Quy hoạch tại vị trí giáp đường trục xã đi thôn Mạc Thủ 2, diện tích 0,2ha.

- Khu dịch vụ:

+ Quy hoạch khu chợ - dịch vụ thương mại khu trung tâm, diện tích 2,18ha.

+ Quy hoạch khu dịch vụ sinh thái có vị trí nằm ở phía Tây Nam xã, thuộc khu đô thị sinh thái Sông Hương, diện tích 20,6ha.

6.4.3. Cơ sở sản xuất kinh doanh PNN

Tổng diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh PNN 3,69ha (được xác định theo quy hoạch vùng).

6.4.4. Công trình giáo dục

- Trường THCS: Hiện trạng diện tích 0,66ha, quy hoạch mở rộng 1,08ha. Diện tích sau mở rộng 1,74ha.

- Trường Tiểu học: Hiện trạng diện tích 0,68ha, quy hoạch mở rộng 1,11ha. Diện tích sau mở rộng 1,79ha.

- Trường Mầm non trung tâm xã: Hiện trạng diện tích 0,38ha, quy hoạch mở rộng 0,48ha. Diện tích sau mở rộng 0,86ha.

6.4.5. Công trình hạ tầng cấp vùng trên địa bàn xã

Quy hoạch khu đất xây dựng công trình xử lý nước thải sinh hoạt cho Liên Mạc và khu vực phụ cận với quy mô 1,0ha (công trình cấp vùng - theo quy hoạch vùng huyện).

6.4.6. Đất công cộng, dịch vụ cấp thôn

a. Thôn Văn Mạc

- Nhà văn hóa thôn: Diện tích 0,12ha, giữ nguyên hiện trạng.
- Sân thể thao: Quy hoạch mới tại vị trí cạnh đường thôn, diện tích 0,21ha.

b. Thôn Mạc Động

- Nhà văn hóa thôn: Diện tích 0,12ha, giữ nguyên hiện trạng.
- Sân thể thao: Quy hoạch mới tại vị trí cạnh đường thôn, diện tích 0,25ha.

c. Thôn Tiêu Xá

- Nhà văn hóa thôn: Diện tích 0,09ha, giữ nguyên hiện trạng.
- Sân thể thao: Quy hoạch mới tại vị trí cạnh đường thôn, diện tích 0,2ha.

d. Thôn Mạc Thủ 1

- Nhà Văn hóa thôn: Quy hoạch mới tại vị trí cạnh khu dân cư gần Cầu Sắt, diện tích 0,1ha.

- Sân thể thao thôn: Quy hoạch mới tại vị trí cạnh đường thôn, diện tích 0,23ha.

e. Thôn Mạc Thủ 2

- Nhà văn hóa thôn: Diện tích 0,18ha, giữ nguyên hiện trạng.
- Sân thể thao: Quy hoạch mới tại vị trí cạnh Nhà Văn hóa thôn, diện tích 0,21ha.

7. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian xã theo mô hình 01 khu trung tâm xã và 05 thôn. Trong đó, lấy trung tâm làm hạt nhân phát triển không gian lan tỏa ra các hướng; các không gian chức năng phân bố theo các tuyến giao thông chủ đạo.

7.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

Quy mô diện tích trung tâm xã Liên Mạc khoảng 14ha, là trung tâm hành chính, công cộng, văn hoá của xã. Bao gồm có các công trình: Văn hoá thể thao, các công trình hạ tầng khác như: Bưu điện, chợ, sân thể thao xã được xây dựng theo quy chuẩn và được bố trí ở khu vực thuận tiện với các thôn xóm, bán kính phục vụ trong khoảng 1-2km. Hệ thống các công trình hạ tầng xã hội, trụ sở cơ quan ... đảm bảo theo tiêu chí nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu. Phù hợp với quy hoạch chung của toàn xã và của huyện.

7.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng

7.2.1. Hệ thống giáo dục và đào tạo

- Hệ thống phòng học, làm việc, phòng chức năng, công trình phụ trợ trong các nhà trường đảm bảo đủ theo quy định xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục đại trà ở các cấp học, bậc học; đồng thời tạo điều kiện hỗ trợ cho giáo dục mũi nhọn; quan tâm hơn nữa đến các trường mầm non như: Đầu tư cơ sở vật chất, chuẩn hóa đội ngũ giáo viên. Phát động mạnh mẽ phong trào thi đua xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia.

7.2.2. Hệ thống y tế, bảo vệ sức khỏe

- Đạt Tiêu chí quốc gia về y tế xã, phát triển nguồn nhân lực y tế cân đối và hợp lý.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân địa phương. Có sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể trong việc phối hợp với ngành y tế thực hiện kế hoạch. Huy động sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

7.2.3. Văn hóa - Thể thao

- Hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở phục vụ cộng đồng phải đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân như: Trung tâm văn hóa - thể thao xã và Nhà Văn hóa- khu thể thao tại các thôn.

- Xây dựng Trung tâm văn hóa, thể thao xã; xây dựng thiết chế văn hóa, sân tập thể thao cấp xã và cấp các làng, thôn đảm bảo theo đúng tiêu chí nông thôn mới. Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa đối với các nhà, hội trường sinh hoạt đa năng của xã. Đầu tư, thiết bị hoạt động văn hóa cho nhà văn hóa các cấp và các đội thông tin lưu động, cấp trang thiết bị hoạt động văn hóa cho các thôn. Hỗ trợ sách và thiết bị, đào tạo cán bộ cho thư viện. Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ công tác tại các thiết chế văn hóa thể thao các cấp.

- Khuyến khích đầu tư phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống.

- Chống xuống cấp, tu bổ và tôn tạo di tích.

7.2.4. Định hướng phát triển thương mại - dịch vụ

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu,... phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại rộng khắp theo hướng mở rộng quan hệ, gắn với thị trường trong và ngoài nước. Phát triển xuất khẩu, chú trọng đầu tư gia tăng sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có công nghệ và chất lượng cao.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển.

- Phát triển thương mại, đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, chú trọng công tác tiếp thị và mở rộng thị trường để tiêu thụ sản phẩm nông, thủy sản; tạo

điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh, củng cố thương nghiệp quốc doanh để đảm nhận vai trò hướng dẫn và liên kết các thành phần kinh tế trong hoạt động kinh doanh.

- Chú trọng khai thác các mặt hàng nông sản thực phẩm, thủy sản đã qua chế biến, các sản phẩm từ các cơ sở sản xuất kinh doanh, làng nghề...

- Xây dựng ngành dịch vụ trở thành ngành quan trọng trong cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã, chiếm tỷ trọng lớn trong giá trị sản xuất trên địa bàn, chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn một cách vững chắc.

7.2.5. Định hướng phát triển nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp của xã phải phù hợp với các mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn; tiếp tục chuyển đổi mạnh cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp. Phát triển khu vực đất trồng lúa của xã thành đất nông nghiệp chất lượng cao.

- Vùng chuyển đổi ưu tiên trồng cây có giá trị hàng hóa cao, các loại hoa, rau, củ, quả áp dụng khoa học công nghệ mang giá trị kinh tế cao.

- Chăn nuôi tập trung tại các khu vực chuyển đổi, kết hợp mô hình VAC. Nuôi trồng thủy sản phân bố tại các khu vực có nguồn nước như sông Hương, sông bên Gạo...

7.2.6. Định hướng phát triển TTCN

- Đầu tư, nâng cấp hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật nhằm thuận lợi cho việc thu hút đầu tư các dự án chế biến nông sản tiến tiến.

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề có lợi thế.

- Đổi mới trang thiết bị và tổ chức và quản lý sản xuất; nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Gắn phát triển với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ gia đình, cá nhân thuê đất đầu tư sản xuất tại xã.

7.3. Định hướng quy hoạch khu, điểm dân cư:

Tổng diện tích quy hoạch đất ở mới 25,06ha, tại các vị trí sau:

- Khu dân cư mới thôn Văn Mạc, diện tích 1,7ha.

- Khu dân cư xen kẹp khu Văn Mạc, diện tích 0,49ha.

- Khu dân cư Cầu Sắt, diện tích 0,6ha.

- Khu dân cư xen kẹp khu vực trung tâm xã, diện tích 0,25ha.

- Khu dân cư xen kẹp thôn Tiêu Xá, diện tích 0,46ha.

- Khu dân cư mới thuộc khu đô thị sinh thái Sông Hương, diện tích 21,52ha.

- + Khu dân cư chợ Sung, diện tích 0,04ha.

7.4. Định hướng phát triển kinh tế-xã hội

- Định hướng đến năm 2030, nền kinh tế của xã Liên Mạc sẽ ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, thương mại và đô thị mới. Trong đó, nhiệm

vụ chính là sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao; phát triển chăn nuôi, trồng cây ăn quả. Phát triển nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

- Xã Liên Mạc tương đối bằng phẳng, đất đai khá màu mỡ, khí hậu ôn hoà. Có điều kiện tự nhiên, sinh thái thuận lợi cho việc phát triển chăn nuôi tập trung với đa dạng giống vật nuôi.

8. Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư

8.1. Nguyên tắc quản lý kiến trúc

8.1.1. Đối với không gian

- Đảm bảo tính liên hệ, kết nối chặt chẽ về không gian, cảnh quan cho những vùng giáp ranh.

- Kết hợp điều kiện địa hình, hệ thống cây xanh, mặt nước, hệ thống giao thông hiện có tạo ra không gian nối kết liên thông trong đô thị, thông gió tự nhiên, cải thiện môi trường đô thị.

- Thiết kế đô thị cần khai thác hợp lý cảnh quan thiên nhiên nhằm tạo ra giá trị thẩm mỹ, gắn với tiện nghi, nâng cao hiệu quả sử dụng không gian và bảo vệ môi trường đô thị.

8.1.2. Đối với cảnh quan

- Việc xây dựng, cải tạo, chỉnh trang các công trình kiến trúc tại các khu vực cảnh quan đặc trưng cần hạn chế tối đa việc làm thay đổi địa hình và bảo đảm sự phát triển bền vững của môi trường tự nhiên.

- Đối với những khu vực có cảnh quan gắn với di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, khu vực bảo tồn, phải căn cứ Luật Di sản văn hóa và các quy định hiện hành, phối hợp với các cơ quan chuyên môn tổ chức nghiên cứu, đánh giá về giá trị trước khi đề xuất giải pháp bảo tồn và khai thác phù hợp.

8.1.3. Đối với kiến trúc nông thôn

- Các công trình kiến trúc khi xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp phải phù hợp với quy hoạch chung, tuân thủ giấy phép xây dựng.

- Không được chiếm dụng trái phép không gian công cộng nhằm mục đích tăng diện tích sử dụng công trình.

8.2. Định hướng kiến trúc, không gian cảnh quan

8.2.1. Định hướng chung kiến trúc, cảnh quan cho toàn điểm dân cư nông thôn.

a. Về kiến trúc nông thôn

- Tổ chức kiến trúc hài hòa về phong cách kiến trúc, chiều cao, khoảng lùi, chi tiết, màu sắc, chất liệu của các công trình và nhà ở riêng lẻ trên các tuyến giao thông chính. Nhịp điệu kiến trúc chung theo phương ngang, phương đứng phải có sự đồng bộ về phong cách trang trí và chi tiết giữa các công trình đứng cạnh nhau.

- Xây dựng các tòa nhà có quy mô tầng cao trung bình 3-5 tầng, duy trì không gian xanh xen kẽ nhằm tạo không gian mở công cộng liên hoàn trong

cum công trình. Hình thức kiến trúc cần thể hiện sự hiện đại, năng động, phù hợp với từng không gian chức năng hoạt động.

b. Về cảnh quan nông thôn

Phát triển và hoàn thiện hệ thống công viên, cây xanh trên các trục đường, không gian mở, kết hợp bổ sung và chỉnh trang các tượng đài, vườn hoa. Khuyến khích các dự án tăng cường các khoảng lùi và tạo các quảng trường, hoa viên và không gian cho cộng đồng.

8.2.2. Quy định cụ thể không gian kiến trúc, cảnh quan

a. Tại khu vực trung tâm

- Kiến trúc công trình và thiết kế cảnh quan tận dụng các đặc điểm địa hình tự nhiên, và phát huy những giá trị sinh thái cảnh quan, đặc trưng văn hóa lịch sử.

- Ưu tiên các công trình mang ý nghĩa là điểm nhấn: Trung tâm công cộng, công viên, quảng trường, điểm sinh hoạt cộng đồng.

- Tối ưu mật độ xây dựng để ưu tiên các không gian thoáng đẹp cho người dân sinh hoạt, vui chơi.

- Chiều cao các công trình điểm nhấn kiến trúc sẽ được xem xét riêng đối với từng dự án cụ thể theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

b. Dọc tuyến đường liên xã, trục đường chính, đường liên thôn.

- Ưu tiên các công trình dân dụng kết hợp thương mại có khoảng lùi lớn.

- Khuyến khích đưa mảng cây xanh xen kẽ cải thiện điều kiện vi khí hậu.

- Kế hoạch ưu tiên cải tạo chỉnh trang nâng cấp hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, các quy định về việc bố trí tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên từng tuyến đường, hành lang an toàn giao thông được quy định theo hồ sơ quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt.

c. Cảnh quan khu vực bảo tồn; các khu vực tập trung làng xóm, các khu vực phát triển dọc tuyến đường, tuyến sông, mặt nước.

Các khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh cần được bảo tồn nghiêm ngặt theo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, các quy định pháp luật khác có liên quan và theo Quy chế này.

8.3. Yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc

- Sự đa dạng về văn hóa vùng với khả năng dung nạp, tiếp nhận các yếu tố khác nhau tạo nên sự đa dạng về văn hóa mà không mất đi nét riêng của cộng đồng. Kế thừa, tiếp thu và phát huy các phong cách kiến trúc bản địa và xu hướng kiến trúc quốc tế qua các thời kỳ.

- Bố cục không gian tận dụng cảnh quan làng xóm xen kẽ các không gian canh tác, góp phần cải tạo môi trường cảnh quan gắn với phát triển kinh tế của xã.

- Bảo vệ và phát huy giá trị kiến trúc của các công trình di sản văn hóa, công trình kiến trúc có giá trị nhằm gìn giữ dấu ấn lịch sử.

- Hình thức kiến trúc, chi tiết trang trí kiến trúc phải phù hợp với thuần phong mỹ tục của dân tộc; không gây phản cảm. Khuyến khích đưa các hình ảnh, biểu tượng truyền thống dân tộc vào công trình kiến trúc mới. Khi cải tạo sửa chữa công trình cũ, quan tâm bảo vệ, gìn giữ và kết hợp những chi tiết, cấu phần.

- Sử dụng đa dạng vật liệu xây dựng từ vật liệu truyền thống, phổ biến đến các vật liệu đặc trưng, tiên tiến nhằm nâng cao thẩm mỹ kiến trúc và tính thích dụng, bền vững của công trình.

8.4. Quy định đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù

- Việc xây dựng các công trình tại khu vực có địa hình đặc thù phải hạn chế tối đa việc làm biến dạng địa mạo, địa hình tự nhiên; việc tổ chức không gian giữa các công trình phải đảm bảo khoảng cách theo quy định, khai thác tận dụng hướng gió, tầm nhìn giữa các lớp công trình để đảm bảo phát huy giá trị cảnh quan.

- Đối với khu vực cảnh quan ven sông, hồ:

+ Mật độ xây dựng gộp tối đa 5% (bao gồm vật kiến trúc và đường dạo bộ). Hạn chế san lấp, thu hẹp dòng chảy của sông; hạn chế tối đa việc thu nhỏ diện tích mặt thoáng của các hồ tự nhiên.

+ Các công trình ven sông, hồ khuyến khích xây dựng hàng rào xanh; trường hợp xây dựng hàng rào kiên cố thì phải có độ rộng tối thiểu 50%.

8.5. Quy định quản lý kiến trúc các loại hình công trình

8.5.1. Công trình công cộng.

- Công trình Văn hóa: Mật độ xây dựng; tầng cao tối đa: Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định hiện hành.

- Phải tuân theo các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đã quy định trong đồ án, trong Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt.

- Khoảng lùi xây dựng: tùy theo chiều cao công trình, bề rộng đường và các yếu tố liên quan để xác định; khuyến khích tăng khoảng lùi tạo không gian thoáng trước công trình, giảm mật độ xây dựng, tăng diện tích sân vườn cây xanh của công trình.

8.5.2. Công trình nhà ở.

a. Công trình nhà liền kề hiện hữu

- Đất nhà ở thấp tầng tuân theo quy hoạch chung bao gồm đất ở mật độ thấp và đất ở mật độ cao có mật độ xây dựng, tầng cao tối đa: Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định hiện hành.

- Quy định về quy mô công trình: Khuyến khích việc nhập các thửa đất nhỏ hơn 40m² thành các lô đất lớn hơn và hợp khối các công trình để tổ chức bộ mặt kiến trúc chung khang trang hơn.

- Quy định về kiến trúc công trình:

+ Khi cải tạo sửa chữa cần tạo được sự đồng bộ hợp lý trong từng dãy nhà ở như: Hình thức mái, số tầng cao, khoảng lùi từng dãy nhà.

+ Khu nhà ở, dãy nhà ở liền kề có khoảng lùi, sân vườn, thì khi điều chỉnh không gian kiến trúc cũng phải giữ được khoảng lùi, sân vườn phía trước tối thiểu theo quy định.

b. Công trình nhà ở trong khu ở mới, các khu vực quy hoạch chưa triển khai

- Đất ở có mật độ xây dựng, tầng cao: Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định hiện hành.

- Quy định về quy mô công trình: Quy mô công trình xây dựng nhà liền kề theo Tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và theo đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 của từng dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Việc xây dựng các công trình nhà ở riêng lẻ phải tuân thủ theo các quy định cụ thể tại đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng, tỷ lệ 1/500 đã được phê duyệt.

- Không được tách thửa và thay đổi chức năng khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép.

8.5.3. Cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chế biến nông nghiệp

- Mật độ xây dựng, tầng cao tối đa: Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định hiện hành.

- Phải có biện pháp xử lý môi trường cục bộ, trồng các dải cây xanh cách ly để đảm bảo môi trường theo quy định.

8.5.4. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng (nhằm bảo tồn đối với các di sản; kiểm soát việc xây mới công trình tôn giáo, tín ngưỡng)

Việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình tín ngưỡng, công trình tôn giáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng. Nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo thực hiện như quy định của pháp luật về xây dựng đối với các công trình, nhà ở riêng biệt xây dựng trong xã. Cải tạo, bình phục cơ sở tín ngưỡng, cơ sở tôn giáo là di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng; việc cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới công trình phụ trợ thuộc các cơ sở này thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa và pháp luật về xây dựng.

9. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng (ha)	QH đến năm 2025			QH đến năm 2030		
			Tăng giảm	Quy hoạch	Tỷ lệ	Tăng giảm	Quy hoạch	Tỷ lệ
			ha	ha	%	ha	ha	%
	Tổng diện tích tự nhiên	726,50	0,00	726,50	100,00	0,00	726,50	100,00
I	Đất nông nghiệp	488,65	-12,58	476,07	65,53	-77,92	410,73	56,54
1.1	Đất trồng lúa	3,04	0,00	3,04	0,42	0,00	3,04	0,42
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	3,18	0,00	3,18	0,44	0,00	3,18	0,44
1.3	Đất trồng cây lâu năm	476,44	-15,58	460,86	63,44	-80,92	395,52	54,44
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	5,99	0,00	5,99	0,82	0,00	5,99	0,82

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng	QH đến năm 2025			QH đến năm 2030		
			Tăng giảm	Quy hoạch	Tỷ lệ	Tăng giảm	Quy hoạch	Tỷ lệ
			(ha)	ha	%	ha	ha	%
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,00	3,00	3,00	0,41	3,00	3,00	0,41
II	Đất xây dựng	216,36	12,58	228,94	31,51	79,92	296,28	40,78
2.1	Đất ở	113,56	1,35	114,91	15,82	25,06	138,62	19,08
2.2	Đất công cộng	2,83	3,16	5,99	0,82	25,47	28,30	4,02
2.1	<i>Đất xây dựng trụ sở (c.quan, c.trình sự nghiệp)</i>	<i>0,49</i>	<i>0</i>	<i>0,49</i>	<i>0,07</i>	<i>0</i>	<i>0,49</i>	<i>0,07</i>
2.2	<i>Đất an ninh</i>	<i>0</i>	<i>0,1</i>	<i>0,1</i>	<i>0,01</i>	<i>0,1</i>	<i>0,1</i>	<i>0,01</i>
2.3	<i>Đất cơ sở y tế</i>	<i>0,18</i>	<i>0</i>	<i>0,18</i>	<i>0,02</i>	<i>0</i>	<i>0,18</i>	<i>0,02</i>
2.4	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>1,55</i>	<i>0,56</i>	<i>2,11</i>	<i>0,29</i>	<i>1,88</i>	<i>3,43</i>	<i>0,47</i>
2.5	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa, công cộng</i>	<i>0,35</i>	<i>0,1</i>	<i>0,45</i>	<i>0,06</i>	<i>0,49</i>	<i>0,84</i>	<i>0,12</i>
2.6	<i>Đất chợ, Dịch vụ</i>	<i>0,26</i>	<i>2,4</i>	<i>2,66</i>	<i>0,37</i>	<i>23</i>	<i>23,26</i>	<i>3,33</i>
2.7	<i>Đất truyền dẫn NL, truyền thông</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
3	Đất cây xanh	0,00	0,00	0,00	0,00	1,91	1,91	0,26
4	Đất thể dục thể thao	1,77	0,00	1,77	0,24	1,49	3,26	0,45
5	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	2,48	0,00	2,48	0,34	0,00	2,48	0,34
5.2	<i>Đất tôn giáo</i>	<i>1,84</i>	<i>0</i>	<i>1,84</i>	<i>0,25</i>	<i>0</i>	<i>1,84</i>	<i>0,25</i>
5.3	<i>Đất tín ngưỡng</i>	<i>0,64</i>	<i>0</i>	<i>0,64</i>	<i>0,09</i>	<i>0</i>	<i>0,64</i>	<i>0,09</i>
6	Đất công nghiệp	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
7	Đất sản xuất kinh doanh	0,00	0,00	0,00	0,00	3,45	3,45	0,47
8	Đất hạ tầng kỹ thuật	55,73	8,07	63,80	8,79	22,54	78,27	10,78
8.1	<i>Đất giao thông</i>	<i>50,24</i>	<i>7,58</i>	<i>57,82</i>	<i>7,96</i>	<i>20,86</i>	<i>71,1</i>	<i>9,8</i>
8.2	<i>Đất bãi thải xử lý chất thải</i>	<i>0,37</i>	<i>0,19</i>	<i>0,56</i>	<i>0,08</i>	<i>1,19</i>	<i>1,56</i>	<i>0,21</i>
8.3	<i>Đất nghĩa trang nghĩa địa</i>	<i>5,12</i>	<i>0,3</i>	<i>5,42</i>	<i>0,75</i>	<i>0,49</i>	<i>5,61</i>	<i>0,77</i>
9	Đất di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
10	Đất phục vụ sản xuất (thủy lợi, phi NN khác)	39,99	0,00	39,99	5,50	0,00	39,99	5,50
11	Đất công cộng khác	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
III	Đất Khác	21,49	0,00	21,49	2,96	-2,00	19,49	2,68
1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch	21,49	0,00	21,49	2,96	-2,00	19,49	2,68
2	Đất mặt nước chuyên dùng	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00

10. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

(Theo hồ sơ, thuyết minh quy hoạch chung do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập).

11. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Phân loại rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình; bố trí diện tích cây xanh cách ly giữa khu TTCN, khu nghĩa trang, nghĩa địa, xử lý nước thải và khu dân cư. Gìn giữ đất mặt có khả năng canh tác của khu vực chưa sử dụng; phủ xanh các khu vực đất trống.

- Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nơi tập kết rác cho từng thôn và xử lý rác chung cho toàn xã;

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt cho 100% dân cư. Chuyển các trại chăn nuôi gây ô nhiễm ra khỏi khu dân cư; khuyến khích xây dựng hầm Bioga trong chăn nuôi.

12. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện

12.1. Tiến độ thực hiện quy hoạch

- Phân kỳ thực hiện quy hoạch: Lập danh mục, trình tự triển khai lập các quy hoạch xây dựng theo từng cấp độ, kế hoạch trong 10 năm, 5 năm và hàng năm; danh mục và thứ tự đầu tư các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở các giai đoạn quy hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm.

- Phù hợp với kế hoạch, khả năng cân đối nguồn vốn của UBND xã Liên Mạc và UBND huyện Thanh Hà.

12.2. Giải pháp tổ chức thực hiện

- UBND xã lập kế hoạch tổ chức thực hiện quy hoạch được duyệt.

- Rà soát quỹ đất để có phương án quy hoạch, kêu gọi đầu tư phù hợp; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường đối thoại để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; đẩy mạnh giải pháp khơi thông nguồn lực; khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ đất đai.

13. Quy định quản lý và các nội dung chi tiết đồ án

- Nội dung chi tiết tại quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030 do Trung tâm Quy hoạch đô thị và nông thôn lập, phòng Kinh tế và Hạ tầng thẩm định kèm theo.

- Các nội dung tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết theo hồ sơ chi tiết xây dựng Quy hoạch chung xây dựng xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030 lập.

Điều 2. Giao UBND xã Liên Mạc tổ chức công bố công khai đồ án quy hoạch được duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chủ động rà soát quy hoạch, bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu phù hợp với quy chuẩn và thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Giao các phòng: Kinh tế và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính - Kế hoạch; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, quản lý quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch chung xây dựng xã Liên Mạc, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

- Giao Văn phòng HĐND-UBND huyện có trách nhiệm đăng Quyết định này trên Cổng thông tin điện tử huyện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND xã Liên Mạc và các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Việt Anh